

Số: 137/NQ-HĐND

Hòa Bình, ngày 15 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Nhà máy gạch Tuynel Lương Sơn tại xã Cao Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 08**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Xét Tờ trình số 85/TTr-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Nhà máy gạch Tuynel Lương Sơn tại xã Cao Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Nhà máy gạch Tuynel Lương Sơn tại xã Cao Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình như sau:

1. Tên dự án: Nhà máy gạch Tuynel Lương Sơn.
2. Tổng diện tích chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng: **5,58 ha.**
3. Địa điểm; vị trí chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng:
 - a) Địa điểm: Xã Cao Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.
 - b) Vị trí: Tại tiểu khu 87, khoảnh 4 gồm 18 lô; tiểu khu 90, khoảnh 5 gồm 12 lô.

(Kèm theo Biểu chi tiết Khu vực chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng; trích lục tiểu khu, khoảnh, lô từ Bản đồ quy hoạch 3 loại rừng tại Quyết

định số 3042/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Hòa Bình, về việc phê duyệt Kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch ba loại rừng tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2017-2025, định hướng đến năm 2030).

4. Chức năng rừng: 1,68 ha thuộc quy hoạch rừng sản xuất; 3,90 ha đã điều chỉnh ra ngoài quy hoạch 3 loại rừng nhưng chưa có quyết định chuyển đổi mục đích sử dụng rừng.

5. Loại rừng hiện nay: Rừng trồng và đất chưa có rừng.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định của Luật Lâm nghiệp năm 2017 và các quy định của pháp luật có liên quan; chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, hiện trạng rừng tại hồ sơ trình kỳ họp thứ 8, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII; báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện dự án nêu tại Điều 1 của Nghị quyết này tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình Khóa XVII, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua. / . *Bc*

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh (CT, các PCT);
- Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: NN&PTNT, KH&ĐT, TN&MT;
- HĐND, UBND huyện Lương Sơn;
- Lãnh đạo VP ĐBQH&HĐND tỉnh;
- TT tin học và Công báo VP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Hòa Bình;
- Lưu: VT, CTHĐND (Ha, Th).

CHỦ TỊCH

Bùi Đức Hình

**BIỂU VỊ TRÍ, HIỆN TRẠNG, DIỆN TÍCH KHU VỰC CHỦ TRƯỞNG CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG ĐỂ THỰC HIỆN
DỰ ÁN NHÀ MÁY GẠCH TUYNEL LƯƠNG SƠN TẠI XÃ CAO SƠN, HUYỆN LƯƠNG SƠN, TỈNH HÒA BÌNH**

(Kèm theo Nghị quyết số 137/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình)

Số TT	TK	K	L	Quy hoạch 3 loại rừng	Tổng cộng (ha)	Diện tích có rừng (ha)	Rừng trồng						Đất chưa có rừng		Ghi chú
							Diện tích (ha)	Trạng thái	Trữ lượng gỗ (m3/lô)	Trữ lượng tre nứa (cây/lô)	Cây trồng	Năm trồng	Diện tích (ha)	Trạng thái	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	87	4	2	NQH	0,07								0,07	dkh	Chưa chuyển đổi MĐSDR
2	87	4	3	NQH	0,16								0,16	dkh	Chưa chuyển đổi MĐSDR
3	87	4	4	NQH	0,22								0,22	dkh	Chưa chuyển đổi MĐSDR
4	87	4	5	NQH	0,30								0,30	dt1	Chưa chuyển đổi MĐSDR
5	87	4	5	NQH	0,45								0,45	dkh	Chưa chuyển đổi MĐSDR
6	87	4	6	NQH	0,56								0,56	dkh	Chưa chuyển đổi MĐSDR
7	87	4	7	NQH	0,06								0,06	dkh	Chưa chuyển đổi MĐSDR
8	87	4	7	NQH	0,09								0,09	dkh	Chưa chuyển đổi MĐSDR
9	87	4	7	NQH	0,42								0,42	dkh	Chưa chuyển đổi MĐSDR
10	87	4	7	NQH	0,14								0,14	dkh	Chưa chuyển đổi MĐSDR
11	87	4	7	NQH	0,08								0,08	dkh	Chưa chuyển đổi MĐSDR
12	87	4	7	NQH	0,34								0,34	dkh	Chưa chuyển đổi MĐSDR
13	87	4	8	NQH	0,34								0,34	dkh	Chưa chuyển đổi MĐSDR
14	87	4	13	NQH	0,60								0,60	dkh	Chưa chuyển đổi MĐSDR
15	87	4	14	SX	0,19	0,19	0,19	dtr			Tách	2020			
16	87	4	16	NQH	0,07								0,07	dt1	Chưa chuyển đổi MĐSDR
17	87	4	17	SX	0,02	0,02	0,02	dtr			Tách	2020			
18	87	4	18	SX	0,78	0,78	0,78	dtr			Tách	2020			
19	90	5	53	SX	0,10	0,10	0,10	dtr			Tách	2020			
20	90	5	53	SX	0,15	0,15	0,15	dtr			Tách	2020			

Số TT	TK	K	L	Quy hoạch 3 loại rừng	Tổng cộng (ha)	Diện tích có rừng (ha)	Rừng trồng					Đất chưa có rừng		Ghi chú	
							Diện tích (ha)	Trạng thái	Trữ lượng gỗ (m3/lô)	Trữ lượng tre nứa (cây/lô)	Cây trồng	Năm trồng	Diện tích (ha)		Trạng thái
21	90	5	53	SX	0,13	0,13	0,13	dtr			Téché	2020			
22	90	5	53	SX	0,01	0,01	0,01	dtr			Téché	2020			
23	90	5	53	SX	0,15	0,15	0,15	dtr			Téché	2020			
24	90	5	53	SX	0,01	0,01	0,01	dtr			Téché	2020			
25	90	5	55	SX	0,01	0,01	0,01	dtr			Téché	2020			
26	90	5	55	SX	0,02	0,02	0,02	dtr			Téché	2020			
27	90	5	55	SX	0,04	0,04	0,04	dtr			Téché	2020			
28	90	5	55	SX	0,05	0,05	0,05	dtr			Téché	2020			
29	90	5	55	SX	0,01	0,01	0,01	dtr			Téché	2020			
30	90	5	55	SX	0,01	0,01	0,01	dtr			Téché	2020			
Tổng					5,58	1,68	1,68						3,90		

Ghi chú:

- Tổng diện tích chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác là 5,58 ha, hiện trạng có 1,68 ha rừng trồng; 3,90 ha diện tích không có rừng. Trong đó:

+ 1,68 ha thuộc quy hoạch rừng sản xuất, hiện trạng rừng trồng.

+ 3,90 ha đã được điều chỉnh ra ngoài quy hoạch ba loại rừng nhưng thuộc đối tượng phải thực hiện chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ, hiện trạng không có rừng.

- Chữ viết tắt: Tiểu khu (TK); Khoảnh (K); Lô (L); Ngoài quy hoạch 3 loại rừng (NQH); Rừng trồng(dtr); Diện tích không có rừng (dkh, dt1).

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH